UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 778 /QĐ-UBND	*Đắk Lắk, ngày 13 tháng 4 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt kết quả phúc khảo kỳ thi tuyển công chức tỉnh Đắk Lắk năm 2017

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15/3/2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Thông tư số 13/2010/TT-BNV ngày 30/12/2010 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết một số điều về tuyển dụng và nâng ngạch công chức của Nghị định số 24/2010/NĐ-CP; Thông tư số 05/2012/TT-BNV ngày 24/10/2012 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2010/TT-BNV;

Căn cứ Quyết định số 2279/QĐ-UBND ngày 24/8/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chỉ tiêu và kế hoạch tuyển dụng công chức làm việc tại các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố thuộc UBND tỉnh Đắk Lắk năm 2017;

Theo đề nghị của Hội đồng thi tuyển công chức tỉnh Đắk Lắk năm 2017 tại Tờ trình số 27/TTr-HĐTTCC ngày 13/4/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả phúc khảo kỳ thi tuyển công chức tỉnh Đắk Lắk năm 2017, tại 11 Phụ lục kèm theo (từ Phụ lục 1 đến Phụ lục 11.).

Điều 2. Giao Hội đồng thi tuyển công chức tỉnh Đắk Lắk năm 2017 thông báo, công khai kết quả phúc khảo cho thí sinh có Đơn phúc khảo bài thi theo đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Hội đồng thi tuyển công chức tỉnh Đắk Lắk năm 2017 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Đắk Lắk, Cổng TTĐT tỉnh,
- Lưu: VT, TH (Ph b). 15

CHỦ TỊCH

Phạm Ngọc Nghị

Phụ lục số 01
Kết quả phúc khảo môn thi Kiến thức chung
(Kèm theo Quyết định số 778 /QĐ-UBND ngày 13 /4/2018 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Điểm thi	Điểm phúc khảo	Ghi chú
1	0009	Đinh Lan	Anh	14/12/1991	**69,50**	**69,50**	
2	0012	Lê Thùy	Anh	18/8/1995	**12,00**	**11,00**	
3	0016	Mai Lưu Vân	Anh	31/7/1986	**56,00**	**57,00**	
4	0020	Nguyễn Thị Huyền	Anh	13/11/1984	**72,00**	**74,50**	
5	0036	Trương Công	Bắc	19/8/1992	**67,50**	**67,50**	
6	0045	Kpă Y	Briu	17/3/1993	**62,00**	**66,00**	
7	0057	Bùi Thị Kim	Chi	19/02/1989	**65,00**	**65,50**	
8	0069	Võ Thị Kim	Chung	15/01/1989	**58,00**	**56,00**	
9	0085	Phan Phước	Cường	08/10/1993	**64,00**	**63,50**	
10	0097	Nguyễn Thị Hồng	Diễm	20/8/1991	**58,50**	**57,50**	
11	0138	Phạm Đình	Duy	25/3/1991	**65,50**	**62,00**	
12	0146	H' Lila	Êban	31/3/1990	**56,00**	**56,00**	
13	0147	H Lyza	Êban	17/01/1992	**66,00**	**64,50**	
14	0179	Nguyễn Ngọc	Hải	12/02/1994	**43,00**	**35,50**	
15	0211	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	25/01/1990	**71,00**	**70,50**	
16	0224	Lương Thanh Thảo	Hiền	19/11/1987	**66,50**	**66,50**	
17	0243	Đặng Thế	Hòa	02/7/1982	**65,00**	**66,50**	
18	0249	Nguyễn Ngọc	Hoàng	26/02/1992	**65,00**	**62,00**	
19	0289	Trần Thị Thanh	Hương	21/4/1990	**58,00**	**56,50**	
20	0291	Khổng Thị	Hường	01/7/1994	**78,00**	**77,50**	
21	0307	Vũ Đình	Khải	03/10/1988	**37,00**	**38,00**	
22	0312	Phạm Duy	Khánh	15/3/1982	**68,00**	**70,00**	
23	0324	H Chem	Krông	03/12/1992	**75,50**	**75,50**	
24	0326	H Phương	Ktla	28/8/1993	**74,00**	**73,50**	
25	0335	Vi Văn	Lẫn	07/7/1989	**57,00**	**65,50**	
26	0379	Trương Công	Luật	24/7/1990	**73,00**	**73,00**	
27	0420	Nguyễn Thị Trà	My	13/10/1992	**70,00**	**70,00**	
28	0433	Lương Thị Quỳnh	Nga	02/12/1993	**72,00**	**71,00**	
29	0453	Nguyễn Thị Bảo	Ngọc	07/01/1993	**81,00**	**81,00**	
30	0461	Nguyễn Bình	Nguyên	03/9/1990	**54,00**	**55,00**	
31	0476	Lê Thị	Nhung	08/10/1984	**74,00**	**72,50**	
32	0479	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	25/3/1994	**65,00**	**50,00**	
33	0480	Vũ Thị	Nhung	11/9/1982	**74,50**	**73,00**	
34	0486	H Siêu	Niê	03/02/1995	**75,50**	**67,50**	
35	0555	Lê Thanh	Sơn	16/12/1991	**64,00**	**61,00**	
36	0562	Đặng Xuân	Tài	10/02/1987	**78,50**	**79,50**	

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Điểm thi	Điểm phúc khảo	Ghi chú
37	0568	Trần Ngọc	Tâm	05/11/1991	**77,00**	**72,50**	
38	0581	Bùi Nam	Thắng	12/5/1989	**80,50**	**80,50**	
39	0585	Nguyễn Văn	Thắng	15/4/1985	**74,50**	**76,00**	
40	0592	Trần Quang	Thanh	20/11/1987	**70,50**	**76,50**	
41	0600	Phan Long	Thành	21/6/1992	**79,00**	**78,00**	
42	0639	Cao Văn	Thống	06/7/1992	**66,50**	**69,50**	
43	0659	Bùi Thị Thanh	Thúy	06/10/1993	**55,50**	**65,00**	
44	0678	Trần Minh	Tiên	24/12/1988	**72,50**	**72,50**	
45	0682	Võ Văn	Tình	14/4/1990	**76,50**	**76,50**	
46	0689	Nguyễn Thị Minh	Trâm	13/11/1990	**53,50**	**62,00**	
47	0703	Nguyễn Thị Huyền	Trang	27/11/1992	**70,50**	**74,00**	
48	0717	Nguyễn Hữu	Trí	03/01/1987	**47,50**	**50,00**	
49	0725	Hoàng Lý Ngọc	Trung	03/11/1992	**76,50**	**76,50**	
50	0726	Lê Thành	Trung	04/01/1985	**69,00**	**68,50**	
51	0727	Nguyễn Duy	Trung	24/4/1983	**41,00**	**40,50**	
52	0739	Ngô Quốc	Tuấn	22/9/1988	**70,00**	**65,00**	
53	0741	Nguyễn Thanh	Tuấn	25/10/1991	**64,00**	**67,50**	
54	0743	Trương Ngọc	Tuấn	13/06/1992	**66,50**	**67,00**	
55	0749	Trần Mạnh	Tưởng	04/4/1989	**81,50**	**80,00**	
56	0760	Lê Ly	Va	01/01/1988	**70,50**	**71,50**	
57	0775	Nguyễn Văn	Việt	20/9/1988	**48,50**	**48,50**	
58	0792	Đặng Phan Thị	Vy	20/5/1990	**77,00**	**77,00**	
59	0801	Ao Thị Như	Ý	28/10/1992	**76,50**	**79,50**	
60	0816	Vũ Thị	Nga	15/01/1994	**17,00**	**12,00**	
61	0846	Bùi Thị Thu	Hiền	21/8/1993	**20,00**	**21,00**	
62	0862	Phạm Thị Quỳnh	Mai	01/01/1992	**38,00**	**40,50**	
63	0868	Trần Thị Ý	Nhi	08/4/1987	**60,00**	**56,50**	
64	0892	Trần Thị Thanh	Thủy	26/9/1994	**55,00**	**55,00**	
65	0918	Huỳnh Thị Thái	Mơ	11/11/1989	**25,00**	**25,00**	
66	0919	H' Linda Niê Kriêng		08/5/1989	**38,00**	**33,00**	
67	0958	Nguyễn Thị	Thảo	15/4/1992	**46,00**	**46,00**	
68	0987	Kpă Y	Hồng	25/5/1984	**43,50**	**41,50**	
69	0993	Đinh Minh	Luân	24/3/1990	**69,00**	**68,50**	
70	0996	Phạm Quang	Minh	08/11/1995	**62,00**	**62,50**	
71	0999	Nguyễn Bằng	Nguyên	03/5/1985	**57,00**	**57,50**	
72	1002	Y Thiết	Niê	19/12/1993	**24,00**	**24,50**	
73	1010	Đinh Quang	Trung	21/8/1989	**6,00**	**5,00**	
74	1016	Hồ Phương	Hiếu	05/11/1985	**20,00**	**20,00**	
75	1020	Trần Khắc	Huy	21/8/1990	**50,00**	**50,00**	
76	1023	Nguyễn Sỹ	Long	19/10/1988	**37,00**	**37,50**	

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Điểm thi	Điểm phúc khảo	Ghi chú
77	1026	Nguyễn Thị Bích	Ngân	10/11/1983	**43,00**	**43,00**	
78	1027	Nguyễn Thị Thái	Ngân	06/11/1989	**44,00**	**41,00**	
79	1044	Trần Văn	Tuấn	27/9/1989	**34,00**	**31,00**	

Phụ lục số 02

Kết quả phúc khảo môn thi Chuyên ngành Tự luận nhóm Quản lý hành chính

(Kèm theo Quyết định số 778 /QĐ-UBND ngày 13 /4/2018 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Điểm thi	Điểm phúc khảo	Ghi chú
1	0016	Mai Lưu Vân	Anh	31/7/1986	**43,00**	**40,50**	
2	0020	Nguyễn Thị Huyền	Anh	13/11/1984	**50,00**	**58,00**	
3	0036	Trương Công	Bắc	19/8/1992	**92,00**	**92,50**	
4	0045	Kpă Y	Briu	17/3/1993	**63,00**	**67,00**	
5	0069	Võ Thị Kim	Chung	15/01/1989	**61,00**	**65,50**	
6	0085	Phan Phước	Cường	08/10/1993	**78,00**	**80,00**	
7	0097	Nguyễn Thị Hồng	Diễm	20/8/1991	**88,00**	**90,00**	
8	0135	Phan Khánh	Dương	01/02/1995	**42,50**	**44,00**	
9	0138	Phạm Đình	Duy	25/3/1991	**38,00**	**55,00**	
10	0146	H' Lila	Êban	31/3/1990	**56,00**	**56,00**	
11	0147	H Lyza	Êban	17/01/1992	**77,00**	**78,00**	
12	0173	Trịnh Xuân	Hà	27/9/1995	**78,00**	**70,50**	
13	0211	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	25/01/1990	**86,00**	**89,00**	
14	0224	Lương Thanh Thảo	Hiền	19/11/1987	**88,00**	**91,00**	
15	0243	Đặng Thế	Hòa	02/7/1982	**76,00**	**77,50**	
16	0254	Phạm Ánh	Hồng	24/4/1991	**84,00**	**87,00**	
17	0289	Trần Thị Thanh	Hương	21/4/1990	**89,00**	**90,00**	
18	0291	Khổng Thị	Hường	01/7/1994	**75,00**	**82,50**	
19	0307	Vũ Đình	Khải	03/10/1988	**81,00**	**81,00**	
20	0312	Phạm Duy	Khánh	15/3/1982	**73,50**	**76,50**	
21	0326	H Phương	Ktla	28/8/1993	**76,00**	**69,00**	
22	0342	Phan Thị	Lê	20/6/1988	**89,00**	**91,00**	
23	0379	Trương Công	Luật	24/7/1990	**80,50**	**80,50**	
24	0396	Phạm Thị Như	Mai	14/12/1992	**77,00**	**80,00**	
25	0420	Nguyễn Thị Trà	My	13/10/1992	**75,00**	**75,00**	
26	0433	Lương Thị Quỳnh	Nga	02/12/1993	**73,00**	**81,00**	
27	0461	Nguyễn Bình	Nguyên	03/9/1990	**77,00**	**76,50**	
28	0476	Lê Thị	Nhung	08/10/1984	**87,00**	**86,00**	
29	0479	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	25/3/1994	**82,00**	**81,00**	
30	0480	Vũ Thị	Nhung	11/9/1982	**87,00**	**87,00**	
31	0486	H Siêu	Niê	03/02/1995	**63,00**	**55,00**	
32	0547	Nguyễn Điệp Trúc	Quỳnh	14/8/1994	**91,00**	**94,00**	
33	0549	Phạm Như	Quỳnh	19/01/1992	**67,00**	**74,00**	
34	0555	Lê Thanh	Sơn	16/12/1991	**80,00**	**82,50**	
35	0562	Đặng Xuân	Tài	10/02/1987	**67,00**	**74,00**	
36	0568	Trần Ngọc	Tâm	05/11/1991	**71,50**	**80,00**	
37	0581	Bùi Nam	Thắng	12/5/1989	**50,00**	**66,50**	
38	0585	Nguyễn Văn	Thắng	15/4/1985	**88,00**	**88,00**	

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Điểm thi	Điểm phúc khảo	Ghi chú
39	0592	Trần Quang	Thanh	20/11/1987	**80,00**	**80,00**	
40	0600	Phan Long	Thành	21/6/1992	**61,00**	**57,50**	
41	0639	Cao Văn	Thống	06/7/1992	**86,00**	**86,00**	
42	0651	Lê Quỳnh	Thương	28/9/1990	**53,50**	**65,50**	
43	0659	Bùi Thị Thanh	Thúy	06/10/1993	**50,00**	**56,00**	
44	0678	Trần Minh	Tiên	24/12/1988	**64,00**	**64,00**	
45	0682	Võ Văn	Tình	14/4/1990	**85,00**	**84,00**	
46	0689	Nguyễn Thị Minh	Trâm	13/11/1990	**82,00**	**83,50**	
47	0703	Nguyễn Thị Huyền	Trang	27/11/1992	**90,00**	**93,00**	
48	0709	Phạm Thị Huyền	Trang	13/3/1993	**82,00**	**82,00**	
49	0717	Nguyễn Hữu	Trí	03/01/1987	**87,00**	**87,00**	
50	0725	Hoàng Lý Ngọc	Trung	03/11/1992	**92,00**	**88,00**	
51	0726	Lê Thành	Trung	04/01/1985	**90,00**	**88,50**	
52	0739	Ngô Quốc	Tuấn	22/9/1988	**89,00**	**87,50**	
53	0741	Nguyễn Thanh	Tuấn	25/10/1991	**92,00**	**91,50**	
54	0743	Trương Ngọc	Tuấn	13/06/1992	**88,00**	**88,00**	
55	0749	Trần Mạnh	Tưởng	04/4/1989	**56,00**	**55,00**	
56	0760	Lê Ly	Va	01/01/1988	**65,00**	**65,00**	
57	0775	Nguyễn Văn	Việt	20/9/1988	**58,00**	**58,00**	
58	0792	Đặng Phan Thị	Vy	20/5/1990	**89,00**	**89,50**	
59	0801	Ao Thị Như	Ý	28/10/1992	**67,00**	**66,50**	

Phụ lục số 03

Kết quả phúc khảo môn thi Chuyên ngành Trắc nghiệm nhóm Quản lý hành chính

(Kèm theo Quyết định số 778 /QĐ-UBND ngày 13 /4/2018 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Điểm thi	Điểm phúc khảo	Ghi chú
1	0036	Trương Công	Bắc	19/8/1992	**75,00**	**75,00**	
2	0057	Bùi Thị Kim	Chi	19/02/1989	**82,50**	**82,50**	
3	0069	Võ Thị Kim	Chung	15/01/1989	**60,00**	**60,00**	
4	0195	Nguyễn Thị Thu	Hằng	06/4/1981	**30,00**	**97,50**	
5	0243	Đặng Thế	Hòa	02/7/1982	**55,00**	**55,00**	
6	0267	Nguyễn Thị	Huệ	14/01/1984	**35,00**	**32,50**	
7	0291	Khổng Thị	Hường	01/7/1994	**72,50**	**72,50**	
8	0312	Phạm Duy	Khánh	15/3/1982	**42,50**	**42,50**	
9	0324	H Chem	Krông	03/12/1992	**50,00**	**50,00**	
10	0379	Trương Công	Luật	24/7/1990	**57,50**	**57,50**	
11	0476	Lê Thị	Nhung	08/10/1984	**75,00**	**75,00**	
12	0486	H Siêu	Niê	03/02/1995	**50,00**	**50,00**	
13	0568	Trần Ngọc	Tâm	05/11/1991	**80,00**	**80,00**	
14	0585	Nguyễn Văn	Thắng	15/4/1985	**77,50**	**77,50**	
15	0600	Phan Long	Thành	21/6/1992	**70,00**	**70,00**	
16	0651	Lê Quỳnh	Thương	28/9/1990	**65,00**	**65,00**	
17	0739	Ngô Quốc	Tuấn	22/9/1988	**70,00**	**70,00**	
18	0743	Trương Ngọc	Tuấn	13/06/1992	**72,50**	**72,50**	
19	0749	Trần Mạnh	Tưởng	04/4/1989	**77,50**	**77,50**	

Phụ lục số 04

Kết quả phúc khảo môn thi Chuyên ngành Tự luận nhóm Kiểm Lâm

(Kèm theo Quyết định số 778 /QĐ-UBND ngày 13 /4/2018 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Điểm thi	Điểm phúc khảo	Ghi chú
1	0962	Đặng Thị	Trà	06/10/1988	**84,00**	**85,00**	
2	0999	Nguyễn Bằng	Nguyên	03/5/1985	**82,00**	**83,00**	

Phụ lục số 05

Kết quả phúc khảo môn thi Chuyên ngành Trắc nghiệm nhóm Kiểm Lâm

(Kèm theo Quyết định số 778 /QĐ-UBND ngày 13 /4/2018 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Điểm thi	Điểm phúc khảo	Ghi chú
1	0993	Đinh Minh	Luân	24/3/1990	**64,00**	**64,00**	
2	1010	Đinh Quang	Trung	21/8/1989	**48,00**	**48,00**	

Phụ lục số 06
Kết quả phúc khảo môn thi Chuyên ngành Tự luận
nhóm Công nghệ thông tin truyền thông
(Kèm theo Quyết định số 778 /QĐ-UBND ngày 13 /4/2018 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Điểm thi	Điểm phúc khảo	Ghi chú
1	1014	Trần Minh	Duy	08/5/1993	**79,50**	**79,50**	
2	1020	Trần Khắc	Huy	21/8/1990	**55,00**	**54,00**	
3	1026	Nguyễn Thị Bích	Ngân	10/11/1983	**74,50**	**75,50**	

Phụ lục số 07
Kết quả phúc khảo môn thi Chuyên ngành Trắc nghiệm
nhóm Công nghệ thông tin truyền thông
(Kèm theo Quyết định số 773 /QĐ-UBND ngày 13 /4/2018 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm thi	Điểm phúc khảo	Ghi chú
1	1026	Nguyễn Thị Bích Ngân	10/11/1983	**80,00**	**80,00**	

Phụ lục số 08

Kết quả phúc khảo môn thi Chuyên ngành Tự luận nhóm Kế toán - Thủ quỹ

(Kèm theo Quyết định số 778 /QĐ-UBND ngày 13 /4/2018 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Điểm thi	Điểm phúc khảo	Ghi chú
1	0862	Phạm Thị Quỳnh	Mai	01/01/1992	**70,50**	**73,00**	
2	0868	Trần Thị Ý	Nhi	08/4/1987	**73,10**	**73,10**	
3	0892	Trần Thị Thanh	Thủy	26/9/1994	**56,00**	**56,00**	
4	0918	Huỳnh Thị Thái	Mơ	11/11/1989	**64,00**	**64,00**	

Phụ lục số 09

Kết quả phúc khảo môn thi Chuyên ngành Trắc nghiệm nhóm Kế toán - Thủ quỹ

(Kèm theo Quyết định số 778 /QĐ-UBND ngày 13 /4/2018 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Điểm thi	Điểm phúc khảo	Ghi chú
1	0879	Nguyễn Hữu	Tài	02/4/1989	**40,00**	**40,00**	
2	0892	Trần Thị Thanh	Thủy	26/9/1994	**57,50**	**57,50**	
3	0919	H' Linda	Niê Kriêng	08/5/1989	**40,00**	**40,00**	
4	0926	Nguyễn Huy	Tuân	16/8/1988	**48,00**	**52,00**	

Phụ lục số 10
Kết quả phúc khảo môn thi Ngoại ngữ
(Kèm theo Quyết định số 778 /QĐ-UBND ngày 13 /4/2018 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Điểm thi	Điểm phúc khảo	Ghi chú
1	0476	Lê Thị	Nhung	08/10/1984	**43,00**	**43,00**	
2	0899	Nguyễn Thị	Vân	10/4/1975	**31,00**	**31,00**	
3	1027	Nguyễn Thị Thái	Ngân	06/11/1989	**34,00**	**36,00**	
4	0816	Vũ Thị	Nga	15/01/1994	**40,00**	**40,00**	
5	1002	Y Thiết	Niê	19/12/1993	**46,00**	**46,00**	
6	0919	H' Linda	Niê Kriêng	08/5/1989	**45,00**	**45,00**	
7	1010	Đinh Quang	Trung	21/8/1989	**45,00**	**45,00**	

Phụ lục số 11

Kết quả phúc khảo môn thi môn thi Tin học

(Kèm theo Quyết định số 778 /QĐ-UBND ngày 13 /4/2018 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Điểm thi	Điểm phúc khảo	Ghi chú
1	1009	Lê Trọng	Trà	20/6/1989	**40,00**	**40,00**	
2	1010	Đinh Quang	Trung	21/8/1989	**36,00**	**36,00**	